

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHAN VĂN TÚ**

**CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ  
Ở THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng – Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: TS. NINH THỊ THU THỦY

Phản biện 2: TS. ĐỖ NGỌC MỸ

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế, họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 11 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### *1. Lý do chọn đề tài*

Các làng nghề trên địa bàn thành phố Hội An đã có lịch sử hình thành và phát triển từ khá lâu. Hiện nay, số lượng làng nghề ở thành phố Hội An là không nhiều, tập trung chủ yếu vùng ven. Các làng nghề ở Hội An đã có bước phát triển, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, quy mô sản xuất còn nhỏ, phân tán, thiết bị sản xuất còn lạc hậu, năng suất lao động thấp, chất lượng và mẫu mã sản phẩm chưa đáp ứng thị hiếu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng, trình độ tay nghề của người lao động chưa cao, thu nhập trong các làng nghề chưa đủ sức thu hút người lao động, quy mô lao động làm nghề ngày càng giảm. Con người Hội An cần cù, chịu khó, có tay nghề, Hội An là một di sản văn hoá thế giới, là địa bàn có vị trí thuận lợi ở gần 2 di sản văn hoá thế giới cổ đô Huế và khu đền tháp Mỹ Sơn, là trung điểm giao lưu của cả nước tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hoá, du lịch. Tuy nhiên, địa phương vẫn chưa khai thác hết lợi thế và tiềm năng sẵn có của mình.

Xuất phát từ những lý do trên nên tôi chọn đề tài: **“Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam”** làm đề tài nghiên cứu của mình.

### *2. Mục đích nghiên cứu*

- Hệ thống được lý luận về phát triển làng nghề làm cơ sở hình thành khung nội dung và phương pháp nghiên cứu cho đề tài;

- Đánh giá được thực trạng phát triển các làng nghề ở thành phố Hội An, chỉ ra được những mặt mạnh và các điểm yếu của quá trình phát triển;

- Đề xuất được các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: phát triển làng nghề
- Phạm vi nghiên cứu:
  - + Về không gian: Thành phố Hội An, đề tài tập trung vào 3 làng nghề :Làng Mộc Kim Bông, làng Gốm Thanh Hà, làng Rau Trà Quế của thành phố Hội An.
  - + Về thời gian: 2006-2010

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Thu thập thực tế tại làng nghề.
- Phương pháp phân tích thống kê, tổng hợp, chi tiết hoá...
- Phương pháp đối chiếu, so sánh.

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Luận văn phân tích rõ một số cơ sở lý luận và thực tiễn về làng nghề. Đánh giá thực trạng phát triển làng nghề ở thành phố Hội An giai đoạn 2006-2010. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để phát triển làng nghề ở Hội An trong thời gian đến.

Kết quả của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc phát triển làng nghề ở Hội An.

### **6. Nội dung và Kết cấu đề tài**

Ngoài các phần: mục lục, danh mục các bảng, danh mục các hình vẽ, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1: Lí luận chung về phát triển làng nghề.

Chương 2: Thực trạng phát triển các làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

## **Chương 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ**

#### **1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ**

##### **1.1.1. Khái niệm**

Khái niệm làng nghề được hiểu là “*một địa bàn hay khu vực dân cư sinh sống trong một làng (thôn, tương đương thôn) có hoạt động cùng ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất ở từng hộ gia đình hoặc các cơ sở trong làng; có sử dụng nguồn lực trong và ngoài địa phương, phát triển tới mức trở thành nguồn sống chính hoặc thu nhập chủ yếu của người dân trong làng*”.

##### **1.1.2. Tiêu chí công nhận làng nghề**

- Làng đó phải có nghề mang tính đặc thù, có một số người (hay nhóm người) giỏi nghề. Những sản phẩm sản xuất ra phải có tính đặc thù riêng của làng đó.

- Phải có một hay một nhóm người giỏi nghề làm hạt nhân để phát triển một nghề nào đó.

- Phải tìm được nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất của làng.

- Phải lựa chọn được một mặt hàng nào đó đáp ứng với nhu cầu thị trường và phù hợp với điều kiện sản xuất của làng.

- Phải có số vốn ban đầu để mua nguyên liệu và chuẩn bị các điều kiện cho sản xuất.

- Làng phải có cơ sở vật chất, hạ tầng nhất định.

- Giá trị sản xuất của làng nghề chiếm tỷ trọng trên 70% tổng giá trị sản xuất của làng.

- Số lao động làm nghề (ở độ tuổi lao động) là trên 30% so với tổng số lao động của làng.

##### **1.1.3. Phân loại làng nghề**

###### **1.1.3.1. Phân loại theo lịch sử phát triển**

- Nhóm làng nghề truyền thống.

- Nhóm làng nghề mới.
- Nhóm làng nghề chưa xác định được tính truyền thống.

#### ***1.1.3.2. Phân loại theo qui mô sản xuất và trình độ công nghệ***

- Làng nghề có qui mô lớn
- Làng nghề có qui mô vừa
- Làng nghề có qui mô nhỏ

#### ***1.1.3.3. Phân loại theo mức độ sử dụng nguyên liệu, nguồn chất thải và mức độ ô nhiễm***

- Làng nghề có mức độ ô nhiễm môi trường cao.
- Làng nghề có mức độ ô nhiễm môi trường thấp.
- Làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- Làng nghề không gây ô nhiễm môi trường.

#### ***1.1.3.4. Phân loại theo tiềm năng tồn tại và phát triển***

- Nhóm làng nghề có khả năng phát triển.
- Nhóm làng nghề có khả năng ổn định.
- Nhóm làng nghề có khả năng đổi mới để phát triển.
- Nhóm làng nghề không có khả năng để phát triển.

### **1.1.4. Những đặc điểm chung của làng nghề Việt Nam**

#### ***1.1.4.1. Gắn liền với làng quê và sản xuất nông nghiệp***

#### ***1.1.4.2. Có truyền thống lâu đời***

#### ***1.1.4.3. Có bản sắc văn hoá riêng của Việt Nam***

#### ***1.1.4.4. Lao động chủ yếu bằng thủ công***

#### ***1.1.4.5. Đã hình thành những làng nghề có tên tuổi, tồn tại lâu dài***

#### **1.1.5. Vai trò của phát triển làng nghề đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế**

- Giải quyết lao động và việc làm cho người dân.
- Giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống lâu đời của dân tộc.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá.

- Thu hút nguồn lực trong dân cho phát triển kinh tế chung.
- Tạo ra nguồn sản phẩm phong phú đa dạng cho xã hội.
- Quảng bá hình ảnh Việt Nam thông qua các sản phẩm của

các làng nghề.

## **1.2. PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ**

### **1.2.1. Khái niệm**

*“Phát triển làng nghề là sự phát triển về kinh tế và quan tâm tới giải quyết vấn đề xã hội và môi trường”.*

### **1.2.2. Nội dung của phát triển làng nghề**

**1.2.2.1. Phát triển số lượng làng nghề trên cơ sở duy trì và mở rộng quy mô**

**1.2.2.2. Phát triển thêm những ngành nghề mới**

**1.2.2.3. Phát triển qui mô của từng làng nghề**

**1.2.2.4. Phát triển sản phẩm của làng nghề**

**1.2.2.5. Hoàn thiện thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất**

**1.2.2.6. Giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường**

### **1.2.3. Các tiêu chí phát triển làng nghề**

Một số tiêu chí chủ yếu đánh giá phát triển làng nghề:

Gia tăng quy mô: tổng doanh thu, tổng giá trị sản xuất;

Số hộ và doanh nghiệp tham gia;

Gia tăng quy mô vốn, lao động;

Doanh thu/hộ làm nghề, doanh thu/lao động làm nghề;

Gia tăng giá trị và lợi nhuận;

Cơ cấu sản phẩm, tính đa dạng, ổn định thị trường tiêu thụ.

Tỷ lệ lao động làng nghề trên tổng số lao động;

Số việc làm tăng thêm từ làng nghề;

Thu nhập người lao động làm việc làng nghề;

Số hộ nghèo trong làng nghề giảm;

Sự gia tăng số lao động được đào tạo;

Tỷ lệ hộ sản xuất làng nghề sử dụng nguyên liệu và công nghệ sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường;

Tỷ lệ hộ sản xuất làng nghề có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

Tỷ lệ số hộ được hưởng nước sạch...

#### **1.2.4. Các khó khăn trong phát triển làng nghề Việt Nam**

✓ Thứ nhất, khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trên thị trường quốc tế còn thấp, trong đó riêng các sản phẩm của các làng nghề lại còn thấp hơn.

✓ Hai là, nội lực của các làng nghề nói chung còn yếu.

✓ Ba là, phát triển các làng nghề hiện đang làm gia tăng ô nhiễm môi trường.

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ**

#### **1.3.1. Đặc trưng của sản phẩm và sự phát triển du lịch**

Sản phẩm làng nghề thường có tính riêng biệt, mang đặc thù, có giá trị văn hoá lịch sử của địa phương được nhiều nơi biết đến. Chính những điểm này khiến sản phẩm làng nghề thường mang tính độc đáo, riêng biệt.

#### **1.3.2. Nguyên liệu**

Nguồn nguyên liệu trước đây sẵn có cho sản xuất làng nghề đã trở nên khan hiếm. Nguyên liệu khan hiếm nhưng sản xuất làng nghề dựa trên công nghệ cũ nên mức hao tổn thường cao càng làm cho nguồn nguyên liệu thiếu thốn hơn.

#### **1.3.3. Tổ chức sản xuất của làng nghề**

Tổ chức sản xuất của các hộ làng nghề hiện này theo hộ gia đình cá thể, quy mô nhỏ lẻ trên không gian của hộ gia đình và dựa vào các yếu tố sản xuất vốn có. Với hình thức tổ chức sản xuất này sẽ hạn chế khả năng phát triển sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề, mỗi hộ làng nghề không đủ sức cải tiến công nghệ, không



mạnh dạn cải tiến sản phẩm... cũng như xây dựng thương hiệu và hình thành hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

### **1.3.4. Vốn sản xuất**

Với điều kiện sản xuất hộ gia đình là chủ yếu và nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên khả năng tích lũy của các người sản xuất trong làng nghề rất thấp hay khả năng về vốn cho sản xuất không cao khó có thể tự mình đảm bảo nguồn vốn

### **1.3.5. Lao động có tay nghề**

Đa số làng nghề sản xuất sản phẩm mang tính truyền thống do vậy mà lao động trong làng nghề được đào tạo cũng theo lối truyền thống. Các làng nghề hiện tại là phần lớn lao động là những người đứng tuổi đã theo đuổi nghề từ lâu. Thanh niên và lao động trẻ đa phần có tâm lý không muốn theo đuổi nghề.

### **1.3.6. Mặt bằng sản xuất**

Không gian sản xuất chật hẹp khiến cho quá trình sản xuất gặp nhiều khó khăn khi muốn mở rộng quy mô sản xuất, tổ chức sản xuất hay giải quyết vấn đề môi trường. Điều kiện sản xuất này dẫn tới sự mất an toàn, ô nhiễm và chi phí sản xuất tăng cao. Ngoài ra quy mô các làng nghề nhiều khi quá nhỏ nên việc bố trí xây dựng khu sản xuất tập trung đã không tận dụng được tính kinh tế của quy mô khiến tính khả thi không có.

### **1.3.7. Marketing và hệ thống tiêu thụ sản phẩm**

Điều quan trọng là phải giới thiệu cho đối tượng khách hàng mục tiêu biết được sản phẩm làng nghề để thoả mãn nhu cầu như đầu ấn cho họ khi tới tham quan du lịch ở nơi đó cũng như truyền bá thông tin cho những người liên quan (khách hàng tiềm năng cho sản phẩm). Do đó công tác marketing cho sản phẩm rất quan trọng.

Việc gắn kết các khâu từ quảng bá giới thiệu sản phẩm và kết hợp sản phẩm du lịch để khách hàng có thể tham gia vào quá trình sản xuất làng nghề như một sản phẩm sẽ khiến gia tăng giá trị sản phẩm.

### **1.3.8. Chính sách của địa phương**

Chỉ khi chính quyền nhận thức đúng tầm quan trọng của làng nghề thì các nhà quản lý và hoạch định mới chú ý tới làng nghề trong quy hoạch và chính sách phát triển tổng thể của địa phương.

Một chính sách riêng dành cho làng nghề trong tổng thể sẽ bảo đảm cho sự phát triển của làng nghề trong tổng thể các hoạt động kinh tế góp phần phân bổ bố trí nguồn lực hiệu quả hơn.

**1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ** (Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện nghiên cứu Đông Bắc Á (2004))

#### **1.4.1. Kinh nghiệm phát triển làng nghề truyền thống ở một số nước trên thế giới**

- Kinh nghiệm ở Trung Quốc.
- Kinh nghiệm ở Ấn Độ.
- Kinh nghiệm ở Thái Lan.
- Kinh nghiệm ở Nhật Bản.

Bài học có thể rút ra từ những kinh nghiệm đó là:

+ Phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống gắn với quá trình công nghiệp hoá nông thôn.

+ Chú trọng đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực ở nông thôn.

+ Đề cao vai trò của Nhà nước trong việc giúp đỡ, hỗ trợ về tài chính cho làng nghề truyền thống.

- Nhà nước có chính sách thuế và thị trường phù hợp để thúc đẩy làng nghề truyền thống phát triển.

+ Khuyến khích sự kết hợp giữa đại công nghiệp với tiểu thủ công nghiệp và trung tâm công nghiệp với làng nghề truyền thống.

#### **1.4.2. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số địa phương trong nước**

- Kinh nghiệm của tỉnh Ninh Bình.
- Kinh nghiệm của tỉnh Hải Dương.

Bài học có thể rút ra từ những kinh nghiệm đó là:

- + Cần có nhận thức đúng tầm quan trọng của làng nghề trong quá trình phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng;
- + Có cơ chế chính sách khuyến khích phát triển làng nghề toàn diện trong đó quan trọng nhất là hỗ trợ tài chính cho làng nghề;
- + Giải quyết tốt vấn đề đầu ra cho sản phẩm làng nghề;
- + Thành lập các trung tâm tư vấn kinh tế kỹ thuật cho làng nghề.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ Ở THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HỘI AN

##### 2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

###### 2.1.1.1. Vị trí địa lý

###### 2.1.1.2. Điều kiện tự nhiên

###### 2.1.1.3. Tài nguyên nước

###### 2.1.1.4. Địa chất, thổ nhưỡng, rừng và hệ sinh thái

##### 2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

###### 2.1.2.1. Tình hình kinh tế

**Bảng 2.1. Tăng trưởng kinh tế của thành phố Hội An  
và các ngành**

	2006	2007	2008	2009	2010
Tốc độ tăng trưởng kinh tế Hội An (%)	11,3	13,8	6,3	6,4	15,0
Tốc độ TTTM - DL (%)	17,7	19,0	8,8	7,1	20,0
Tốc độ TTCN -XD (%)	8,9	7,0	1,2	4,3	7,0
Tốc độ NN -LN-TS (%)	3,5	4,0	4,8	7,8	4,5

(Nguồn: Phòng Thống kê thành phố Hội An)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Hội An khá cao nhưng không đồng đều. Ngành thương mại du lịch tăng trưởng gần 20% trong những năm 2006 và 2007. Nhưng lại giảm mạnh chỉ còn hơn 7% năm và đã phục hồi vào năm 2010 với tốc độ tăng trưởng tới 20%. Ngành công nghiệp xây dựng có xu hướng tăng trưởng giống như ngành thương mại và dịch vụ. Riêng ngành nông nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng không cao nhưng khá ổn định kể cả trong bối cảnh suy thoái kinh tế.

**Bảng 2.2. Cơ cấu kinh tế của thành phố Hội An và các ngành**

	2006	2007	2008	2009	2010
Nền kinh tế (tỷ đồng, giá 94)	<b>2.417</b>	<b>2.750</b>	<b>2.910</b>	<b>3.110</b>	<b>3.578</b>
<i>Trong đó</i>					
TM – DL (%)	59,1	61,9	63,6	63,8	66,5
CN – XD (%)	30,1	28,3	26,7	26,4	24,6
NN -LN-THUỶ SẢN (%)	10,7	9,8	9,7	9,8	8,9

(Nguồn: Phòng Thương mại và Du lịch Hội An)

Cơ cấu của thành phố Hội An chủ yếu dựa vào thương mại du lịch, công nghiệp xây dựng khi 2 ngành này có tỷ trọng hơn 90%.

#### **2.1.2.2. Tình hình xã hội**

Thành phố Hội An với dân số là trên 91 ngàn người (năm 2010), mật độ dân số là 1455 người/ km<sup>2</sup>. Dân số trong độ tuổi lao động chiếm 67% tức khoảng 60 ngàn người và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 83%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khá cao tới 41.2%, cao nhất trong tỉnh Quảng Nam và là một ưu thế của thành phố. Thu nhập bình quân đầu người của thành phố Hội An cao nhất Quảng Nam. Năm 2009 là khoảng 34 triệu đồng/người trong đó chủ yếu thu từ dịch vụ. Tỷ lệ hộ nghèo của địa phương cũng thấp nhất tỉnh Quảng Nam khi chỉ còn dưới 8%.

## 2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ Ở THÀNH PHỐ HỘI AN

### 2.2.1. Thực trạng phát triển về khía cạnh kinh tế

Doanh thu của các làng nghề tăng liên tục từ hơn 4,8 tỷ đồng năm 2006 đã tăng lên 9,5 tỷ năm 2010. Trong đó, làng mộc Kim Bồng chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng từ 61,9% năm 2006 đã tăng lên 74,3% năm 2010.

**Bảng 2.6. Doanh thu và năng suất lao động của làng nghề**

	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010
Doanh thu từ làng nghề	Tr. Đồng	4849	5942	9593	8590	9561
<i>Làng mộc Kim Bồng</i>	%	61.9	70.7	78.2	73.3	74.3
<i>Làng rau Trà Quế</i>	%	20.3	17.9	12.0	15.3	14.7
<i>Làng gốm Thanh Hà</i>	%	17.8	11.4	9.8	11.4	11.0
Thu từ hoạt động du lịch	Tr. Đồng	2141	3301	5480.5	6155.2	6395.4
Tỷ trọng thu từ du lịch	%	44.2	55.6	57.1	71.7	66.9
Doanh thu/lao động	Tr/ng	8.9	11.4	17.5	15.0	15.9
Doanh thu/hộ làm nghề	Tr/hộ	22.66	26.53	41.35	36.24	38.24

(Nguồn: Phòng Thương mại và Du lịch Hội An)

Tỷ trọng doanh thu của làng nghề thì doanh thu từ du lịch khá cao từ 44,2% năm 2006 (2,1 tỷ đồng) đã tăng lên 66,9% (6,39 tỷ đồng). Số vốn đầu tư của chính quyền thành phố và tỉnh đã chiếm tới hơn 90% với hai làng Kim Bồng và Thanh Hà và 80% với làng rau Trà Quế.

### 2.2.2. Thực trạng phát triển làng nghề về xã hội

Sự phát triển làng nghề giúp gần 3.000 người ở các làng nghề này có được thu nhập. Hơn 60% số việc làm gián tiếp được tạo

ra là dành cho phụ nữ (nhất là ở làng rau Trà Quế) đã giúp cho hàng ngàn phụ nữ có việc làm thu nhập góp phần không nhỏ vào xoá đói giảm nghèo và bất bình đẳng giới.

Làng nghề cũng đóng góp đáng kể vào công cuộc xoá đói giảm nghèo. Hiện tại Hội An là địa phương có tỷ lệ nghèo thấp nhất tỉnh chỉ còn khoảng 8% so với 19% của tỉnh Quảng Nam.

### **2.2.3. Thực trạng phát triển làng nghề về khía cạnh môi trường**

Kết quả điều tra phỏng vấn các hộ làm nghề cho thấy hầu như các cơ sở sản xuất trong làng nghề không có hệ thống xử lý chất thải. Chỉ có 8,6% cơ sở có hệ thống xử lý, trong đó làng gốm Thanh Hà không cơ sở nào có hệ thống này, làng rau Trà Quế chỉ có gần 7% có hệ thống xử lý và cao nhất là làng mộc Kim Bồng với tỷ lệ 25%.

Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hội An đã chỉ đạo tăng cường xử lý, chấn chỉnh việc sản xuất kinh doanh của các hộ dân tại các làng nghề, không để tình trạng các cơ sở này tập trung vật liệu cạnh đường, đục đẽo làm phát tán bụi, chất thải gây ô nhiễm. Đồng thời, UBND thành phố đã tiến hành quy hoạch làng nghề truyền thống theo hướng phát triển bền vững.

## **2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ Ở HỘI AN**

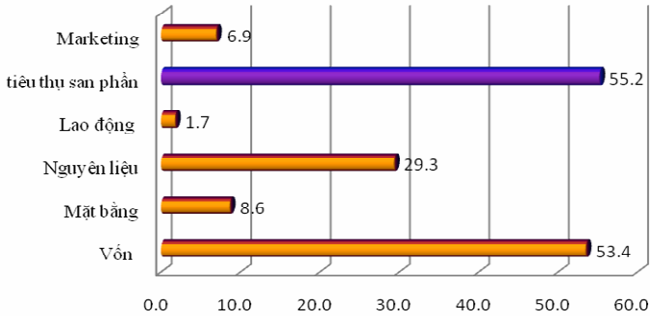
### **2.3.1. Đặc trưng của sản phẩm**

Sản phẩm mộc Kim Bồng là sản phẩm từ sự tài hoa điêu luyện của nghệ nhân tạo nên những sản phẩm mang đầy tính mỹ thuật và triết học.

Sản phẩm của làng rau Trà Quế nổi tiếng vì hương vị thơm ngon gắn liền với điều kiện thiên nhiên khí hậu và đất đai của làng này.

Sản phẩm gốm Thanh Hà đều được làm những nguyên liệu chính là đất sét và nhờ vào đôi bàn tay chế tác khéo léo của các nghệ nhân, các sản phẩm của làng gốm được mang nhiều hình dáng màu sắc và độ bền riêng biệt.

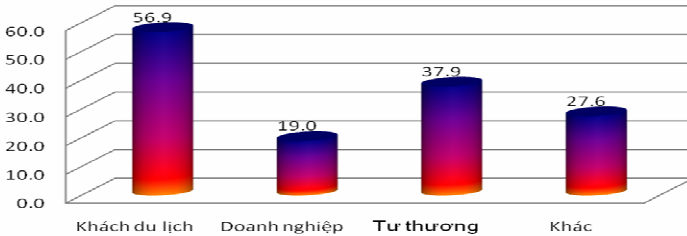
### 2.3.2. Marketing và tiêu thụ sản phẩm



(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

#### Hình 2.3. Những khó khăn nhất của người sản xuất làng nghề

Khó khăn cho người sản xuất làng nghề ở Hội An theo đánh giá của các cơ sở sản xuất làng nghề chính là khâu tiêu thụ sản phẩm. Có tới hơn 55% cho rằng đây là một trong những khó khăn nhất mà họ gặp phải.



(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

#### Hình 2.4. Tỷ lệ các kênh tiêu thụ sản phẩm

Tỷ lệ tiêu thụ qua kênh khách du lịch chiếm gần 57% như hình 2.4, chiếm tỷ trọng cao nhất. Việc tiêu thụ qua tư thương chiếm gần 38% và qua các kênh khác chiếm 27,6%, cuối cùng là các doanh nghiệp chỉ chiếm 19%.

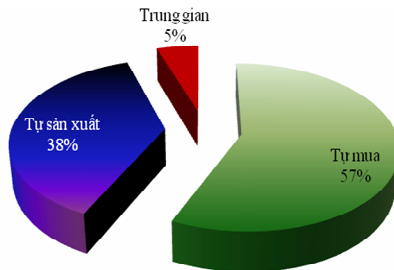
Số liệu điều tra cho thấy có tới 68,9% số cơ sở đã xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm của mình. Tuy nhiên, cần một thương hiệu chung cho làng nghề Hội An.

### 2.3.3. Vốn sản xuất

Khó khăn về vốn sản xuất luôn thường trực với các cơ sở sản xuất làng nghề, số liệu điều tra cho thấy có tới 53,4% số cơ sở sản xuất cho rằng đây là một trong những khó khăn nhất của họ.

Đa số cơ sở sản xuất làng nghề có vốn tự có nhưng không đủ, trong đó có tới 15% cơ sở không vốn tự có, nhưng cũng có 8% số cơ sở có đủ vốn, và các cơ sở sản xuất làng nghề chỉ bảo đảm 53% số nhu cầu vốn.

### 2.3.4. Nguyên liệu



(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

### Hình 2.6. Cơ cấu nguồn cung ứng nguyên liệu

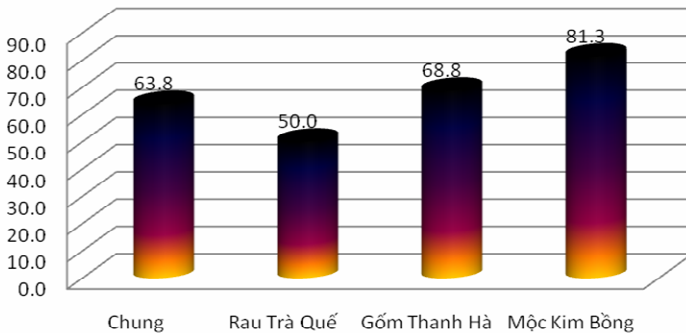
Số liệu điều tra cho thấy khó khăn về nguyên liệu là khó khăn được xếp thứ 3 với 29,3% số cơ sở đánh giá sau vấn đề tiêu thụ sản phẩm và vốn cho sản xuất. Hiện nay các cơ sở này tự mua nguyên liệu là chủ yếu khi tỷ lệ này chiếm tới 57% và tự sản xuất là 38% và qua trung gian chỉ chiếm 5%.



### 2.3.5. Mặt bằng sản xuất

Hạn chế lớn nhất về của các làng nghề Hội An chính là mặt bằng sản xuất chật hẹp. Diện tích trung bình của mỗi cơ sở chỉ là 265 m<sup>2</sup> và sự biến thiên là khá cao khi cơ sở có diện tích cao nhất là 1.000 m<sup>2</sup> và thấp nhất chỉ có 10 m<sup>2</sup>. Mức trung bình này cao là do chúng ta tính chung diện tích cả ba làng nghề ở Hội An trong đó diện tích của các cơ sở trồng rau lớn hơn so với hai làng còn lại. Làng gốm Thanh Hà cũng có cơ sở ngoài làng nhiều hơn nên diện tích của các làng nghề cũng lớn hơn.

Diện tích trung bình của mỗi cơ sở ở làng mộc Kim Bồng chỉ là 100 m<sup>2</sup> thấp nhất trong các làng nghề và mức biến thiên không lớn với diện tích lớn nhất là 225 m<sup>2</sup> và nhỏ nhất 10 m<sup>2</sup>. Trong khi diện tích trung bình của mỗi cơ sở ở làng gốm Thanh Hà là 290 m<sup>2</sup> và biến thiên rất lớn giữa 1.000 m<sup>2</sup> và 10 m<sup>2</sup>. Và diện tích trung bình của mỗi cơ sở ở làng rau Trà Quế là 348 m<sup>2</sup> với diện tích lớn nhất là 800 m<sup>2</sup> và nhỏ nhất 35 m<sup>2</sup>. Như vậy diện tích trung bình của làng rau cao gấp 3,5 lần so với diện tích của làng mộc Kim Bồng. Với những thông tin này đã góp phần mô tả bức tranh về làng nghề ở Hội An.



(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

**Hình 2.7. Nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất (%)**

Có 63,8% cơ sở sản xuất làng nghề có nhu cầu mở rộng sản xuất. Tuy nhiên mức độ bức xúc của các làng nghề cũng cũng khác nhau thiên về hai làng nghề có diện tích mặt bằng trung bình thấp hơn. Làng mộc Kim Bồng có tới 81,3% cơ sở có nhu cầu, làng gốm Thanh Hà có tỷ lệ thấp hơn một chút nhưng vẫn cao gần 70%.

### **2.3.6. Lao động của làng nghề**

Độ tuổi của chủ các cơ sở sản xuất làng nghề khá cao, tuổi trung bình là 49,3 trong đó người trẻ nhất là 24 tuổi và già nhất là 84. Phần lớn chủ cơ sở có độ tuổi từ 42 đến 60 tuổi khi nhóm này chiếm tới hơn 60%. Trình độ học vấn của các chủ sản xuất theo số liệu điều tra là khá cao, số năm học trung bình là 9,1 và người có trình độ thấp nhất là lớp bốn và cao nhất là 12. Chỉ có 35% chủ cơ sở sản xuất chưa tốt nghiệp phổ thông cơ sở hay 65% đã tốt nghiệp cơ sở, đặc biệt có tới 33% đã tốt nghiệp phổ thông trung học. Đây là sự thuận lợi lớn của Hội An trong phát triển làng nghề.

Quy mô lao động của các cơ sở sản xuất làng nghề khá nhỏ gần 50% cơ sở sản xuất có số lao động từ 2 tới 3 người, 33% có từ 4 tới 5 người và trên 5 người chỉ có 8,5% số cơ sở.

### **2.3.7. Chính sách của địa phương**

Tuy địa phương có sự quan tâm đặc biệt cho sự phát triển của làng nghề nhưng địa phương vẫn thiếu các nguồn lực đầu tư cho từng giai đoạn phát triển. Chưa đầu tư mạnh mẽ cơ sở hạ tầng thiết yếu để làm bàn đỡ cho phát triển làng nghề, chưa có chính sách đào tạo nguồn nhân lực phục vụ làng nghề cho dân ở làng nghề, thiếu cơ chế hỗ trợ đầu tư công nghệ mới, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hữu ích thích hợp với trình độ, khả năng của người dân địa phương. Việc tổ chức và quản lý hoạt động tuyên truyền, quảng bá chưa phát huy được nguồn lực tổng hợp của tất cả các thành phần. Khai thác các chương trình hỗ trợ hợp tác quốc tế (trong đó có các tổ

chức phi chính phủ) đối với phát triển làng nghề như kinh nghiệm, tài chính... còn hạn chế.

## **2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **2.4.1. Những ưu điểm**

- Sự phát triển của làng nghề Hội An đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo. Hình thành đội ngũ những người thợ có tay nghề cao, tâm huyết với nghề, tận dụng được các nguồn lực trong xã hội cho phát triển chung của thành phố, tạo ra một khối lượng sản phẩm có giá trị đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc, quảng bá hình ảnh thành phố Hội An nói riêng và Việt Nam nói chung.

- Thị trường tiêu thụ của các sản phẩm tiếp tục được mở rộng. Nhiều cơ sở đã bắt đầu áp dụng công nghệ thông tin để quảng cáo sản phẩm. Thị trường xuất khẩu được phát triển. Chất lượng, chủng loại và mẫu mã sản phẩm được cải tiến và được quan tâm hơn, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

### **2.4.2. Những tồn tại**

- Đóng góp của các làng nghề vào sự tăng trưởng kinh tế chung của thành phố còn khiêm tốn.

- Vấn đề tiêu thụ sản phẩm vẫn là một trong những rào cản lớn nhất với sự phát triển của làng nghề.

- Nhiều cơ sở sản xuất chưa chú trọng đến nâng cao trình độ công nghệ và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa cao, năng suất lao động còn thấp.

- Trình độ tay nghề của người lao động còn thấp. Thu nhập của người lao động trong một số nghề chưa được cải thiện. Lao động chưa được đào tạo một cách khoa học.

- Môi trường bị ô nhiễm ở nhiều cơ sở sản xuất.

- Hầu hết các cơ sở đều thiếu mặt bằng sản xuất và phải tận dụng ngay nơi ở để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2.4.3. Nguyên nhân**

- Nguồn nguyên liệu cho hoạt động của làng nghề ngày càng trở nên cạn kiệt và thu hẹp. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thật sự quan tâm đến vấn đề đổi mới công nghệ sản xuất, quảng cáo, tiếp thị, thiếu thông tin về thị trường.

- Sự chênh lệch về mức thu nhập, giá trị công lao động tại làng nghề quá thấp so với các nghề khác nên không thu hút được lao động.

- Chưa đào tạo được đội ngũ những người lao động có trình độ tay nghề cao, chưa có chính sách hỗ trợ, nuôi dưỡng và công nhận các nghệ nhân trong làng nghề cũng như những người tâm huyết nghề.

- Chưa tạo ra được những đòn bẩy kinh tế để phát triển các làng nghề và làm cho người lao động gắn bó với làng nghề.

- Công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ và giải quyết những khó khăn cho các làng nghề (đặc biệt là khó khăn về vốn) chưa được quan tâm đúng mức.

## **Chương 3**

### **CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ**

#### **Ở THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM**

### **3.1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ ĐẾN NĂM 2020**

#### **3.1.1. Quan điểm phát triển**

(1). Phát triển các làng nghề trên cơ sở đánh giá đúng vai trò làng nghề đối với định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hội An.

(2). Phát triển các làng nghề ở Hội An theo hướng sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, khả năng cạnh tranh mạnh.

(3). Phát triển các làng nghề ở Hội An trên cơ sở sử dụng lao động tại địa phương và chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp.

(4). Các làng nghề ở Hội An nơi cung cấp sản phẩm du lịch

được ưu tiên đầu tư phát triển của thành phố Hội An.

(5). Nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân cùng phối hợp phát triển các làng nghề ở Hội An.

(6). Phát triển các làng nghề để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn đồng thời phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường.

### **3.1.2. Phương hướng phát triển**

- Xây dựng các làng nghề trở thành điểm tham quan du lịch.
- Phát triển các làng nghề trên cơ sở đẩy mạnh phát triển thương mại tại làng nghề.
- Làng nghề tiếp tục đầu tư phát triển những sản phẩm có độ khó cao và giá trị kinh tế lớn.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phát triển các làng nghề nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Phát triển các làng nghề ở Hội An đi đôi với việc xây dựng đời sống văn hoá ở làng nghề.
- Phát triển các làng nghề đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội và vệ sinh môi trường nhằm phát triển bền vững làng nghề.

### **3.1.3. Mục tiêu phát triển**

Đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp tại các làng nghề là 70 đến 100 doanh nghiệp với vốn bình quân 3,5 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh thu bình quân 4-4,5 tỷ đồng/doanh nghiệp, số lao động bình quân 40-45 người/doanh nghiệp; số hộ sản xuất kinh doanh tại làng nghề là 400 hộ với vốn bình quân 250 triệu đồng/hộ, doanh thu bình quân 300-350 triệu/hộ và số lao động bình quân 20 người/hộ.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC LÀNG NGHỀ Ở HỘI AN**

### **3.2.1. Giải pháp về thị trường sản phẩm**

Đẩy nhanh quá trình xây dựng thương hiệu chung cho tất cả các làng nghề. Chính quyền thành phố chủ trì cùng với hiệp hội làng nghề được thành lập để quản lý điều hành chung. Kinh phí sẽ lấy từ nguồn đầu tư phát triển của thành phố cộng với sự đóng góp của các làng nghề và sự tài trợ của các cơ sở du lịch.

Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng đi kèm để kiểm tra chất lượng cho sản phẩm làng nghề mang thương hiệu chung. Yêu cầu tất cả các cơ sở muốn khai thác và sử dụng thương hiệu chung phải cam kết chấp hành các tiêu chuẩn được đề ra.

Chú trọng công tác xúc tiến thương mại cho hoạt động làng nghề. Chủ động trong khâu thiết kế mẫu mã, chào hàng. Đầu tư phát triển thương mại điện tử, nâng cao năng lực sử dụng thương mại điện tử trong kinh doanh.

### **3.2.2. Giải pháp về vốn**

Có chính sách thích đáng để các cơ sở sản xuất có thể tự tích lũy và tìm được nguồn vốn lâu dài. Thành phố cần có chính sách đầu tư tập trung theo quy hoạch để đảm bảo tính hiệu quả của các nguồn vốn. UBND thành phố phân bổ các nguồn vốn huy động đầu tư từ ngân sách cho làng nghề. Kiến nghị nhà nước tăng mức cho vay hơn nữa và có chính sách ưu đãi về lãi suất cho vay cũng như thời gian cho vay.

Ưu đãi về thuế, áp dụng chế độ ưu đãi cho cơ sở sản xuất làng nghề được miễn giảm thuế thuê đất trong thời gian 5 tới 10 năm. Kiến nghị tỉnh cho phép mở rộng sử dụng quỹ hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp với cả các cơ sở sản xuất làng nghề. Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư phát triển làng nghề. Khuyến khích hiệp hội làng nghề xây dựng một quỹ tín dụng phát triển làng nghề Hội An.

### **3.2.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, việc

đào tạo phải gắn với việc giải quyết việc làm cho người lao động.

Tổ chức dạy nghề theo lối truyền nghề. Tổ chức các khoá đào tạo nghề ngắn hạn tại chỗ. Thường xuyên tổ chức các lớp nâng cao tay nghề tại các cơ sở sản xuất.

Tổ chức các khoá đào tạo cho các nghệ nhân, thợ giỏi về kỹ năng sư phạm, thẩm mỹ, thiết kế mẫu mã, tạo dáng sản phẩm, sử dụng công nghệ, kỹ thuật mới để hình thành đội ngũ giảng viên đào tạo, truyền nghề và phát triển nghề. Khuyến khích sự hợp tác giữa các nghệ nhân với các trường dạy nghề, công ty...

Ban hành chính sách tôn vinh nghệ nhân, suy tôn thợ giỏi của các nghề, thực hiện các chính sách xã hội đối với các nghệ nhân, thợ giỏi. Tổ chức việc giữ nghề và truyền nghề của các nghệ nhân lão thành cho lớp trẻ, bồi dưỡng thế hệ kế tiếp.

#### **3.2.4. Giải pháp về cung cấp nguyên liệu**

Hình thành một hệ thống tiêu chuẩn nguyên liệu cho làng nghề và hệ thống cung cấp nguyên liệu cho mỗi làng nghề trên cơ sở tham gia tự nguyện và tự kiểm soát của các thành viên tham gia theo mô hình hợp tác xã. Mô hình này giống mô hình hợp tác xã cung cấp dịch vụ và khá thích hợp với làng nghề nên tính khả thi cao. Hợp tác xã này chủ yếu bảo đảm nguồn nguyên liệu cho làng nghề cho nên chỉ đảm bảo đủ chi có tích lũy nhất định để không ảnh hưởng khiến giá nguyên liệu cao hơn mức mà các cơ sở sản xuất tự cung ứng.

#### **3.2.5. Giải pháp phát triển bền vững về môi trường**

Đánh giá tác động môi trường tại các làng nghề kết hợp với quy hoạch phát triển làng nghề. Quy hoạch khu xử lý chất thải hoàn chỉnh và hiện đại bảo đảm chất lượng môi trường.

Xây dựng quy hoạch không gian làng nghề gắn với bảo vệ môi trường, lấy quản lý cấp phường (xã) làm nòng cốt trong hệ thống quản lý môi trường, giáo dục nâng cao hiểu biết cho người dân làng nghề để họ nhận thức thấy cái giá phải trả do ô nhiễm môi trường đất

gấp nhiều lần so với lợi nhuận kinh tế đem lại. Để từ đó họ thay đổi nhận thức dẫn đến thay đổi hành vi, chung tay bảo vệ môi trường.

Về phía làng nghề cần chú ý xây dựng, cải tạo nhà xưởng, tổ chức không gian thông thoáng tự nhiên tại nơi lao động. Trang bị các dụng cụ an toàn lao động, thiết bị thu gom bụi, hút khí tại các vị trí xả khí độc hại, về công nghệ và thiết bị sản xuất.

### **3.2.6. Giải pháp về mặt bằng sản xuất**

Điều chỉnh và bổ sung quy hoạch phát triển của thành phố Hội An trong đó dành quỹ đất nhất định đáp ứng nhu cầu phát triển của làng nghề gắn với du lịch. Chú trọng tới mục tiêu phát triển làng nghề trong tổng thể phát triển bền vững của thành phố.

Các làng nghề thông qua hiệp hội làng nghề có những điều chỉnh bố trí và tổ chức lại sản xuất của làng nghề mình hiện nay theo hướng phát triển gắn với du lịch. Các cơ sở sản xuất có chung hay có thể chung nhau về giao thông, điện, hệ thống cấp nước hay kho bãi... sẽ tiết kiệm đất và hỗ trợ nhau giải quyết khó khăn để cùng phát triển. Riêng làng Rau Trà Quế cần bố trí mặt bằng sản xuất gắn với phát triển du lịch theo hướng liên kết các cơ sở sản xuất trong làng rau Trà Quế để có thể vừa bố trí sản xuất rau chuyên canh vừa bố trí điều kiện và mặt bằng cho hoạt động du lịch.

### **3.2.7. Giải pháp về cơ chế chính sách**

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho phát triển các làng nghề. Nhà nước tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân địa phương đầu tư khai thác dịch vụ gia tăng. Xây dựng cơ chế thông thoáng cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân tham gia tổ chức hoạt động làng nghề được tiếp cận chủ trương, chính sách của nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn.

Xây dựng đề án về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ làng nghề cho dân ở làng nghề. Nhà nước dành một nguồn kinh phí nhất định để đào tạo nghiệp vụ văn hoá, nghiệp vụ du lịch cho người lao



động trong làng. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở ở các làng địa phương, đào tạo về kỹ năng giao tiếp, tiếp thị, xúc tiến quảng bá... Địa phương cần có chính sách thu hút và đãi ngộ lao động để bảo đảm đủ nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế địa phương, hỗ trợ làng nghề phát triển. Thực hiện lồng ghép hiệu quả với các chương trình như: phát triển nông thôn, phát triển làng nghề, vốn từ nguồn ODA, vốn từ nguồn vay tín dụng, vốn huy động cộng đồng, các nguồn vốn khác.

Thực hiện chủ trương thị trường tín dụng nông thôn. Vận động, hỗ trợ và có chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tín dụng về nông thôn hoạt động. Có chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các hộ dân có mô hình hoạt động sản xuất tốt tại làng nghề.

Quy hoạch quỹ đất đầu tư hạ tầng tạo điều kiện cho các hộ sản xuất trong làng đầu tư mở rộng. Xây dựng chương trình đào tạo nghề, hỗ trợ kinh phí tham quan, học hỏi kinh nghiệm đối với những làng sản xuất điển hình, tiên tiến. Có cơ chế hỗ trợ đầu tư công nghệ mới, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hữu ích thích hợp với trình độ, khả năng của người dân địa phương, hỗ trợ kinh phí để xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề đối với một số sản phẩm có uy tín trên thị trường.

Xây dựng chiến lược, chương trình kế hoạch quảng bá, tiếp thị sản phẩm, hình ảnh làng nghề. Đồng thời bản thân các làng cũng tự xây dựng chương trình quảng bá sản phẩm cho làng, địa phương của mình.

Tăng cường khai thác các chương trình hỗ trợ hợp tác quốc tế đối với phát triển làng nghề, tăng cường hợp tác liên kết trong phát triển du lịch giữa các tỉnh khu vực miền Trung, cũng như khu vực miền Trung với cả nước và quốc tế. Mở rộng mối liên kết giữa các hãng du lịch trong nước và quốc tế với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch ở các vùng nông thôn để tăng lượt khách du lịch.

## KẾT LUẬN

Sự hình thành và phát triển của làng nghề có vai trò rất quan trọng, không những giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân trong thời gian nông nhàn, mà còn đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của địa phương, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, nói đến làng nghề Việt Nam là nói đến nơi lưu giữ và bảo tồn vốn văn hoá truyền thống quý báu, lịch sử phát triển của làng nghề Việt Nam gắn liền với lịch sử phát triển văn hoá của dân tộc, là nhân tố tạo nên một nền văn hoá đặc trưng của dân tộc. Bên cạnh đó, việc hàng mỹ nghệ Việt Nam đi ra thế giới, đây là một kênh quảng bá rất quan trọng hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần thu hút khách du lịch.

Chính vì lẽ đó, chủ trương khôi phục và phát triển bền vững các làng nghề của Đảng và Nhà nước ta đã được nhiều địa phương hưởng ứng và tích cực thực hiện, trong đó có thành phố Hội An. Với định hướng trở thành thành phố văn hoá, du lịch trong tương lai gần, làng nghề đang trở thành một động lực quan trọng để thành phố phát triển công nghiệp nông thôn.

Tuy nhiên, cũng như bao làng nghề khác ở Việt Nam, phát triển các làng nghề ở Hội An còn “thiếu bền vững”, thể hiện qua quy mô sản xuất nhỏ, lẻ, hiệu quả kinh tế còn kém, chưa tương xứng với tiềm năng của làng nghề, môi trường làng nghề bị ô nhiễm.

Để các làng nghề Hội An có thể phát triển bền vững, cần có sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và sự quyết tâm, nỗ lực của bản thân người dân làng nghề. Hơn nữa, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về kinh tế - xã hội - môi trường cũng là một yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững của làng nghề .